

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày: 30-6-2021

V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản bằng tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chau Cương;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Chau Rết.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam. Trụ sở chính: 54A Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Quang – Quyền Giám đốc Khối quản lý tín dụng theo giấy ủy quyền số 1334/2020/UQ-TGDD12 ngày 01/4/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam;

Ông Phạm Thanh Phong – CVC phòng XLN.KHCN, địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà TNR, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền số 2200/2020/GUQ-TGD12 ngày 12/5/2020 của Tổng Giám đốc, có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Neàng Ma N., sinh năm 1975, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Hàng Hải Việt Nam trình bày:*

Ngày 24/4/2018 tại Phòng giao dịch Trung tâm Tài chính Cộng đồng Tri Tôn, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (thuộc số 31 Trần Hưng Đạo, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang) ký kết hợp đồng cho vay số 137-TTO/2018/HĐCV (kèm khế ước nhận nợ số 137/2017/KUNN ngày 24/4/2018) với bà Neàng Ma N., cho vay vốn là 95.000.000 đồng, mục đích sử dụng: tiêu dùng (sửa chữa nhà), lãi suất 17%/năm cố định trong suốt thời hạn vay vốn, lãi suất quá hạn bằng 10%/ năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả, thời hạn vay 36 tháng.

Để đảm bảo hợp đồng vay bà Neàng Ma N. ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh số 85-TTO/2017/HĐTC/BĐ ngày 20/4/2017, tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02312 QSDĐ/kK ngày 02/10/1998 đứng tên Neàng Ma N. (đính chính tại trang 4), diện tích đất 6.336 m², số tờ bản đồ 06, số thửa 669 tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N không thực hiện theo thỏa thuận. Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn: yêu cầu trả ngay số tiền vay còn nợ (tính từ ngày 24/4/2018 đến ngày 30/6/2021), trong đó: tiền vốn là 58.210.137 đồng, tiền lãi trong hạn: 19.134.570 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.662.431 đồng, tổng cộng: 82.007.139 đồng; đồng thời tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 85-TTO/2017/HĐTC/BĐ ngày 20/4/2017 để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 600.000 đồng, yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả lại.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Neàng Ma N. đều vắng mặt: không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về việc có mặt theo triệu tập của Tòa án quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hợp đồng cho vay số 137-TTO/2018/HĐCV ngày 24/4/2018 (kèm khế ước nhận nợ số 137/2017/KUNN ngày 24/4/2018) giữa Ngân hàng với bà N trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận không trái pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

+ Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh số 85-TTO/2017/HĐTC/BĐ ngày 20/4/2017 được ký kết để đảm bảo hợp đồng cho vay số 137-TTO/2018/HĐCV ngày 24/4/2018, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký thế chấp là phù hợp pháp luật. Vì vậy, cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp này.

Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 BLDS và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

- * *Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được:* Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bị đơn bà Neàng Ma N.. có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Neàng Ma N.. được triệu tập hợp lệ **lần** thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ **điểm** b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa **án vẫn tiến** hành xét xử.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Phòng giao dịch Trung tâm Tài chính Cộng đồng Tri Tôn ký Hợp đồng cho vay với bà Neàng Ma N.. vay tiền với mục đích tiêu dùng (sửa chữa nhà). Theo quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay: Xét hợp đồng cho vay số 137-TTO/2018/HĐCV ngày 24/4/2018 (kèm khế ước nhận nợ số 137/2017/KUNN ngày 24/4/2018) được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự

thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 13, 18 và Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, và lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp.

[2.2] Về biện pháp giao dịch bảo đảm: Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh số 85-TTO/2017/HĐTC/BĐ ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng với bà Neàng Ma N.. được xác lập trên cơ sở đã tự nguyện, tự thỏa thuận, tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02312 QSDĐ/kK ngày 02/10/1998 đứng tên Neàng Ma N.. (đính chính tại trang 4), diện tích đất 6.336 m², mục đích sử dụng 2L, tờ bản đồ 06, số thửa 669 tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A. Xét thấy, hợp đồng thế chấp này được xác lập đảm bảo nghĩa vụ cho hợp đồng cho vay số 137-TTO/2018/HĐCV ngày 24/4/2018, đã được đăng ký thế chấp có sự xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tỉnh Biên ngày 20/4/2017 tại trang bổ sung, nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 295, 298, 299, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, có cơ sở tiếp tục xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo bảng kê tính lãi do đại diện Ngân hàng xuất trình tại phiên tòa, bà Neàng Ma N.. còn nợ tổng cộng số tiền vay (tính từ ngày 24/4/2018 đến ngày 30/6/2021), trong đó: tiền vốn là 58.210.137 đồng, tiền lãi trong hạn: 19.134.570 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.662.431 đồng, tổng cộng: 82.007.139 đồng.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu các khoản chi phí tố tụng, nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn bà Neàng Ma N.. phải chịu án phí theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, 157, 158, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 317, 319, 320, 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Hàng Hải Việt Nam đối với bị đơn bà Neàng Ma N...

Buộc bà Neàng Ma N.. có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Hàng Hải Việt Nam (do ông Phạm Thanh Phong đại diện) số tiền vay còn nợ (tính từ ngày 11/6/2016 đến ngày 30/6/2021), trong đó: tiền vốn là 58.210.137 đồng, tiền lãi trong hạn: 19.134.570 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.662.431 đồng, tổng cộng: 82.007.139 đồng (*tám mươi hai triệu, lẻ bảy ngàn, một ba chín đồng*).

2. Xử lý tài sản thế chấp diện tích đất 6.336 m², đất 2L, số thửa 669, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02312 QSDĐ/kK ngày 02/10/1998 đứng tên Neàng Ma N.. theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh số 85-TTO/2017/HĐTC/BĐ ngày 20/4/2017 để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Neàng Ma N.. phải chịu 4.100.000 (*bốn triệu, một trăm ngàn đồng*) tiền án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Hàng Hải Việt Nam (do ông Phạm Thanh Phong đại diện) được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 1.662.000đ (*một triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0009474 ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Neàng Ma N.. phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Hàng Hải Việt Nam số tiền 600.000đ (*sáu trăm ngàn đồng*).

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tỉnh Biên;
- Chi cục THADS h. Tỉnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ